

## TÔNG CẢNH LỤC

### QUYỂN 72

Hỏi: Đối với đại sĩ đẳng địa, trống trời diễn trời pháp môn không y ấn, phá ngoại đạo tà luân, giáo chủ thuật giảng chánh đạo có nhân duyên, đã lập xứ của nhân y, phải nhờ môn của khai mở chia chẻ, vậy y cứ phải có bao nhiêu thứ?

Đáp: Nói rộng có mười lăm y xứ, nói lược có ba y, chỉ mười lăm y xứ là: Một, ngữ y xứ; hai, lãnh thọ y xứ; ba tập khí y xứ; bốn hữu nhuận y xứ; năm vô gián diệt y xứ; sáu cảnh giới y xứ; bảy căn y xứ; tám tác dụng y xứ; chín sĩ dụng y xứ; mười chân thật kiến y xứ; mười một tùy thuận y xứ; mười hai thiện công năng y xứ, mười ba hòa hợp y xứ; mười bốn chương ngại y xứ; mười lăm chẳng chương ngại y xứ. Trong bách hoa pháp sao có mười lăm y xứ phối cùng mười nhân: Một ngữ y xứ là, tức dùng ba thứ pháp danh tướng làm ngữ nhân, nói là pháp, tức tất cả pháp, là có các pháp sở thuyên đây bèn năng khiến trong tâm các hữu tình khởi tướng, tướng tượng các pháp sở thuyên đây rồi, tiếp mới an lập danh đó. Trong an lập danh sau mới năng phát ngữ, tức ba thứ pháp danh tướng làm trước là năng khởi, mới khởi được ngữ của sở khởi, tức ngữ y xứ lập tùy thuyết nhân; hai lãnh thọ y xứ, lãnh là lãnh nạp, thọ thông cả năm thọ, năm thọ đều lấy lãnh nạp làm tánh, tức lãnh thọ y xứ lập quán đãi nhân, quán nghĩa là đối đãi nghĩa là tạ (mượn nhờ) tức năng sở tương đối mượn nhờ để lập nhân đó; ba tập khí y xứ chỗ gọi là một chủng tử trong ngoài, chưa đến vị thuận thực, trải qua bị đợm nhuần trước đã, đây gọi là tập khí y xứ, tức y trên chủng chưa đợm nhuần đây mà lập làm nhân dắt dẫn. Vả lại chủng bên trong là như trong thức thứ tám có vô lượng chủng tử. Nếu chủng tử hữu lậu chưa bị nước ái thủ đợm nhuần trước đã, tuy chưa tiện sinh hiện hành, nhưng trên chủng đây đã có công năng, năng dẫn sinh sẽ hiện khởi hành quả, tức lấy chủng tử đây gọi là nhân dắt dẫn; bốn, hữu nhuận y xứ là chủng tử tập khí y xứ trước. Nếu từng bị đợm nhuần rồi đi, tuy chưa tiện sinh hiện hành, nhưng đã đợm nhuần xong, tức chủng tử hữu nhuận đây,

năng cùng quả hiện hành gồm sau làm y xứ, tập khí y xứ trước, ước về chủng trong ngoài chưa bị đượm nhuần, nay hữu nhuần y xứ tức ước về chủng trong ngoài bị đượm nhuần rồi đi, tức hữu nhuần y xứ lập sinh khởi nhân; năm, vô gián diệt y xứ tức tâm tâm sở pháp đẳng vô gián duyên, nghĩa là diệt tâm tâm sở trước làm duyên, duyên là công năng mở mang dẫn dắt, tức trước diệt làm duyên, năng cùng một tụ tâm tâm sở ở niệm sau làm y xứ. Tâm tâm sở niệm sau đó y tha niệm trước làm duyên xứ sinh, nên gọi là vô gián diệt y xứ, tức vô gián diệt y xứ lập nhiếp thọ nhân, một nhân đây rộng, tự sáu thứ y xứ sau đều gồm thuộc nhân gồm nhân thọ nhân; sáu, cảnh giới y xứ, tức là tất cả cảnh sở duyên duyên làm tất cả sở duyên đây duyên cảnh năng cùng tâm tâm sở năng duyên làm y xứ khởi, xứ nên dùng tâm chẳng có khởi giá cảnh mới sinh, cũng lập nhiếp thọ nhân; bảy, căn y xứ là, tức sáu xứ bên trong đó là năm sắc căn và ý căn thành sáu, tức sáu căn đây là xứ của tâm tâm sở tám thức y cứ, vô gián diệt y xứ trước, tức lấy công năng ở niệm trước của tám thức làm y xứ, dẫn niệm sau khiến sinh, nay căn y xứ đây lấy năm sắc căn ở hiện tại và ý thức thứ bảy gọi là căn y xứ, cũng lập nhân gồm nhận; tám, tác dụng y xứ: Hỏi: Thế nào là tác dụng y xứ? Đáp: Tác dụng đây thông cả tác nghiệp và dụng cụ làm việc, tác nghiệp tức là trí công xảo của hữu tình, năng tạo điện đường hoặc tạo lập các thứ khí cụ mọi vật v.v... nói dụng cụ làm việc, tức là các thứ dụng cụ làm việc ở thế gian, như cân búa xe thuyền v.v... là dụng cụ của chỗ thọ dụng, chỉ biết tất cả sơ trợ hiện duyên năng thành tựu các thứ sự nghiệp, đều là tác dụng y xứ đây, tức trừ bỏ chủng tử trong thức và chủng tử pháp bên ngoài, và chủng tử sinh hiện hành, hiện hành huân chủng tử, chủng tử dẫn chủng tử và thân trợ hiện duyên, chẳng phải tác dụng y xứ, xứ đây cũng lập nhiếp thọ nhân; chín, sĩ dụng y xứ, tức ở trong tác dụng y xứ trước chỉ lấy dụng của tác giả sĩ phu, xứ đây cũng lập nhân gồm nhận; mười, chân thật kiến y xứ, nghĩa là tất cả kiến vô lậu chẳng hư vọng, nên gọi là chân thật, năng cùng tất cả pháp hữu vi vô lậu và pháp vô vi khác làm sở y, nên gọi là y xứ, xứ này cũng lập nhiếp thọ nhân, sáu nhân gồm nhận thứ sáu trước đây, gồm nhận thọ tức là nghĩa nhân quả tương liên quan, chỉ trừ ngay thân nhân duyên, ngoài ra lấy tất cả sơ trợ thành nhân duyên khác gọi là nhân gồm nhận nhân. Nên trong luận Đối Pháp nói: “Như ánh sáng mặt nhật và, nước phân trong mầm lúa thóc v.v... tuy có tự chủng sinh ra nhưng tăng lực kia, gọi là nhân gồm nhận”. Mười một, tùy thuận y xứ, tức tất cả sắc tâm v.v... chủng hiện đều có tùy thuận tự tánh và các pháp thắng đồng loại phẩm,

nên gọi là tùy thuận y xứ, nói tùy thuận tự tánh, tức là chọn lựa pháp khác chẳng được làm nhân y đây, như chủng tử ba tánh trong thức thứ tám, mỗi mỗi tự trong ba tánh hiện hành làm y làm nhân, nói các pháp thắng đồng loại phẩm là như pháp vô lậu tức chỉ cùng tự hữu vi vô lậu và pháp vô vi thắng phẩm làm nhân xứ, chẳng cùng pháp hữu lậu hạ phẩm yếu kém làm nhân, căn cứ trong quả vị hữu lậu cũng tự có hơn kém làm nhân quả cũng vậy, xứ đây lập dẫn phát nhân, dẫn nghĩa là dẫn khởi, phát nghĩa là phát sinh, là nhân năng dẫn khởi phát sinh quả vậy; mười hai, sai biệt công năng y xứ, nghĩa là tất cả pháp chẳng chọn lựa tự tánh tha tánh, mỗi mỗi tự có nhân quả tương xứng, gọi là sai biệt công năng, như năm giới tám giới thiện nghiệp quyết định dẫn trời người, thức thứ tám chẳng phải dẫn ba đường, vì thức thứ tám chẳng tương xứng vậy, nếu mười nghiệp bất thiện nghiệp quyết định dẫn ba đường, thức thứ tám chẳng phải dẫn trời, người. Tánh thức thứ tám chẳng tương xứng làm nhân vậy, nếu pháp tự giới tức cùng tự giới làm nhân, tất cả pháp hữu lậu trong ba cõi v.v... như vậy mỗi mỗi tự có sai biệt công năng làm nhân, như ở Trường An có một trăm hai mươi ty quan chức mỗi mỗi tự có công sự làm nhân, cùng sở quản tương xứng, nếu tịnh nhân là tự chủng tử ba thừa, mỗi mỗi trong tự quả hữu vi vô vi ba thừa làm nhân, xứ đây lập định nhân khác. Định là nghĩa nhân quả tự tương xứng, chẳng cộng tha nên gọi là khác, như tăng nhân lấy trì trai giới tương xứng gọi là định, chẳng cùng người tục khác đồng bốn nghiệp nên gọi là khác tức tất cả các pháp mỗi mỗi trong nhau đều có định nhân khác; mười ba, hòa hợp y xứ là lập đồng sự nhân, từ lãnh thọ y xứ, thứ hai trước cho đến sai biệt công năng y xứ thứ mười hai tức tổng gồm sáu nhân mười một y trước làm thể hòa hợp sự đây, nghĩa là mười một y trước mỗi mỗi ở tự chỗ được sinh trú thành được trong quả, đều có lực hòa hợp, nên gọi là hòa hợp y xứ, tức nương xứ đây lập đồng sự nhân, là quán đãi cho đến định khác sáu nhân như vậy mỗi mỗi cộng thành một sự, nên nói sáu nhân là đồng sự. Lược nêu một pháp để biện giải đó, như lúc nhân thức sinh đơi hư không ánh sáng v.v... làm duyên lập đây làm quán đãi nhân, do đó hai chủng mới cũ vậy, như lần lượt đó được có dất dẫn và sinh khởi nhân, tiếp lấy đẳng vô gián duyên và căn cảnh v.v... lập làm nhiếp thọ nhân, trong trước dẫn đến sau là dẫn phát nhân, do danh ngôn chủng nên có định dị nhân các pháp khác cũng vậy; mười bốn, chướng ngại y xứ, lập tương vi nhân, hoặc năng chướng trí, sáng năng chướng tối v.v... tức sáng làm nhân tối lập làm quả, tức nương xứ đây lập nhân trái nhau; mười lăm, chẳng chướng ngại y xứ nghĩa là

ở trong sự sinh trú thành được chẳng pháp chướng ngại, tức nương xứ đây lập bất nhân trái nhau. Lược nói về ba y là: Một, nhân duyên y, tức là câu hữu y, cũng là chủng tử y; hai, tăng thượng y, tức tăng thượng duyên; ba, đẳng vô gián duyên y, tức khai đạo y. Một, nhân duyên y, nghĩa là tự chủng tử, các pháp hữu vi đều gá y đây, là tự nhân duyên hẳn chẳng sinh vậy, nhân duyên y này là đối quả mà được tên, nhân tức là duyên, chẳng lấy nghĩa của nhân do, nhân đây là sở y của quả vậy, tức hiện hành gọi là quả, năng sinh chủng tử gọi là năng duyên. Lại nhân là nhân của quả hiện hành, duyên tức là nhân đây, có dụng của thân sinh quả hiện hành, gọi là duyên.

Hỏi: Nhân duyên y tha và nhân duyên có gì khác biệt?

Đáp: Y hẹp mà duyên rộng, nếu nhân duyên tức có ba nghĩa: Một, chủng dẫn chủng; hai, chủng sinh hiện; ba, hiện huân chủng. Nếu nhân duyên y tức chỉ lấy một nghĩa chủng sinh hiện, là chân nhân duyên y, nếu chủng sinh chủng chỉ gọi là nhân duyên chẳng được gọi là y vì nhân quả niệm khác vậy, tức niệm trước không thể chẳng phải y quyết định phải đồng thời.

Hỏi: Vậy như hiện huân chủng cũng là nhân quả đồng niệm, sao chẳng làm y?

Đáp: Hiện huân chủng tuy đồng niệm, nhưng lại khuyết nghĩa nhân trầm ẩn quả hiển hiện, cũng chẳng phải nhân duyên y, nên biết chỉ lấy nghĩa chân nhân duyên gọi là y, cả thấy phải đủ ba nghĩa mới gọi là nhân duyên y: Một, là chủ tức chủng là chủ; hai, nhân chìm ẩn quả hiển hiện, tức chọn lựa hiện huân chủng; ba là, nhân quả đồng thời tức chọn lựa chủng sinh chủng.

Hỏi: Chủng tử đây là thể nhân duyên y, lấy pháp gì làm năng y?

Đáp: Các pháp hữu vi đều gá y đây, tức tất cả pháp hữu vi nhân duyên, sắc và tâm đều phải gá tự chủng làm y có tự chủng đây nên tất cả sắc tâm hiện hành mới đều được sinh, là tự nhân duyên hẳn chẳng sinh vậy. Ý nói là tâm hiện nếu thân tự tâm chủng hẳn chẳng sinh sắc pháp cũng vậy; hai tăng thượng duyên y là, nếu tăng thượng duyên tức rộng, nghĩa là thông cả có không và sơ, tăng thượng nếu là y tức hẹp, chỉ lấy có lực và thân tăng thượng, vì năm sắc căn và ý căn xứ, chỉ lấy sáu xứ bên trong đây làm thể tăng thượng y, tức chọn lựa sáu xứ bên ngoài trong tâm tâm sở pháp chỉ là tăng thượng, tức chẳng được làm thể y. Lại chỉ lấy tám thức tâm vương đồng thời làm ý căn xứ, vì ý căn xứ duyên được tám thức vậy. Nếu là đẳng vô gián y tức tự làm một y, nên chẳng lấy, tức tăng thượng y đây phải đủ ba nghĩa: Một, có lực; hai,

thân; ba, bên trong, sáu xứ bên ngoài đó vì chẳng đủ ba nghĩa chỉ làm duyên chẳng phải y. Nếu pháp năng y tức các tâm tâm sở, đều gá y đây, nơi các tâm tâm sở, thức là chọn lựa sắc, chẳng tương ưng hành vô vi ba vị sau đều không tăng thượng y.

Hỏi: Tất cả tâm tâm sở pháp đó nếu lúc không sáu xứ bên trong cũng được chuyển chẳng?

Đáp: Lìa câu hữu căn hẳn chẳng chuyển vậy, ý nói: Nếu lúc không căn sở y, tâm tâm sở đó quyết định chẳng được chuyển. Ba, đẳng vô gián duyên y là, đẳng vô gián duyên y tức hẹp, chỉ lấy tâm vương, tâm vương có nghĩa là chủ, nếu trong bốn duyên đẳng vô gián duyên tức rộng, thông cả tâm tâm sở, là tương ưng tâm vương niệm trước có lực năng dẫn sinh một tụ tâm tâm sở pháp ở niệm sau, gọi là đẳng vô gián. Đây là thể y, tức tâm vương niệm trước cùng tâm tâm sở niệm sau làm y.

Hỏi: Tâm pháp niệm trước đã diệt không thể sao được làm y?

Đáp: Kia lúc diệt trước đã ở thức đây làm khai đạo vậy, ý nói: Ý nói niệm trước kia lúc tâm vương sắp muốn diệt, có lực dụng đó năng dẫn khiến sinh ở niệm sau, làm công năng đây xong bèn diệt. Tức một niệm hiện tại có hành công năng sau lấy làm pháp thể chẳng phải lấy pháp không thể đã diệt ở quá khứ làm y.

Hỏi: Tâm vương niệm trước đó có lực dụng dẫn đến sau, gọi là làm y vậy, không biết lấy pháp nào làm năng y?

Đáp: Các tâm tâm sở đều gá y đây, tức tất cả tâm tâm sở pháp khởi, quyết định năng phải gá y diệt trước đây làm y mới khởi.

Hỏi: Các tâm tâm sở nếu chẳng nương tâm vương diệt trước cũng được khởi chẳng?

Đáp: Lìa căn khai đạo hẳn chẳng chuyển vậy, ý nói: Tâm tâm sở nếu chẳng được tâm vương ở niệm trước làm mở ải dẫn đường, tức không nhân để được khởi.

Hỏi: Tâm pháp với bốn duyên sinh, cơ sao ba duyên riêng lập làm y, mà sở duyên duyên chẳng như vậy?

Đáp: Ba duyên đó có nghĩa thường nghĩa chủ vậy, cũng duyên cũng y, sở duyên duyên đều có nghĩa thường, khuyết nghĩa chủ nên chỉ làm duyên chẳng làm y. Lại chủng tử y có đủ sáu nghĩa, sáu nghĩa là: Một, sát-na diệt; hai, quả câu hữu; ba, hằng tùy chuyển, bốn, tánh quyết định, năm, đãi chúng duyên; sáu, dẫn tự quả. Một, sát-na diệt nghĩa là, thể vừa mới sinh không thời gian hẳn diệt, có công năng ưu thắng mới thành chủng tử; hai, quả câu hữu là nghĩa là cùng chỗ sinh hiện hành

quả, câu hiện hòa hợp mới thành chủng tử; ba, hằng tùy chuyển nghĩa là cần thời gian dài một loại tương tục, đến quả vị rốt ráo mới thành chủng tử; bốn, tánh quyết định nghĩa là tùy lực nhân sinh thiện ác v.v... công năng quyết định mới gọi là chủng tử; năm, đãi chúng duyên nghĩa là đây cần đợi tự các duyên hòa hợp, công năng thù thắng mới thành chủng tử; sáu, dẫn tự quả nghĩa là ở quả sắc tâm v.v... riêng biệt mỗi mỗi dẫn sinh mới thành chủng tử. Lại câu hữu y là tức sở y và năng y cùng thời mà có, y chỉ là tất cả pháp hữu vi sinh diệt, cậ nhân gá duyên mà sinh là đều gọi là làm y, y đầy đủ bốn nghĩa: Một, quyết định; hai, có cảnh; ba, làm chủ; bốn, khiến tâm tâm sở lấy tự chỗ duyên mới gọi là sở y, bốn, y đây mỗi mỗi có chỗ lựa chọn, như nghĩa thứ nhất là nếu pháp quyết định đây chánh chọn lựa đem năm thức trước cùng ý thức thứ sáu làm chẳng định y, phàm là sở y là phải quyết định có mới được. Nay lúc có thức thứ sáu chẳng quyết định có năm thức trước vậy, cũng chọn lựa đem năm sắc căn và thức thứ tám làm y cũng là chẳng định có. Như sinh ở vô sắc giới, thức thứ tám tức không sắc căn làm y. Lại chọn lựa đem bảy hiện năng huân làm chủng tử sở huân làm sinh trưởng y v.v... tức hiện thức năng huân đây có gián đoạn vậy không nghĩa quyết định.

Hỏi: Nếu có nghĩa quyết định bèn là sở y, tức như bốn đại chủng và mạng căn năm trần v.v... và chủng tử đều có nghĩa quyết định, nên là sở sở y, lúc có thức hiện hành hẳn quyết định có chủng tử ư?

Đáp: Đem nghĩa thứ hai chọn lựa có cảnh, nói có cảnh, tức có công năng chiếu cảnh duyên cảnh, trừ tâm tâm sở và năm sắc căn thức, ngoài ra các pháp đều chẳng phải có cảnh, nay bốn đại năm trần mạng căn v.v... tuy có nghĩa quyết định mà khuyết nghĩa có cảnh nên chẳng phải sở y.

Hỏi: Nếu đủ hai nghĩa tức gọi là sở y, vậy như biến hành năm số cũng đủ hai nghĩa quyết định và có cảnh, nên cùng tâm tâm sở làm sở y?

Đáp: Đem nghĩa thứ ba chọn lựa là làm chủ. Nay biến hành năm số, tuy đủ hai nghĩa khuyết nghĩa làm chủ vậy cũng chẳng phải sở y.

Hỏi: Nếu đủ ba nghĩa bèn thành sở y, vả lại như thức thứ tám hiện hành trong chủng tử bên trong thức cũng có ba nghĩa quyết định có cảnh và làm chủ, tức tám thức hiện hành v.v... đây nên cùng chủng tử làm câu hữu y chứ?

Đáp: Đem nghĩa thứ tư chọn lựa là khiến tâm tâm sở lấy tự sở duyên, tức khiến tâm tâm sở năng y duyên lấy cảnh nhà tự sở y mới

thành sở y. Nay thức hiện hành thứ tám chẳng năng khiến chủng tử lấy tự sở duyên nên chẳng phần sở y, nay chủng tử trong thức thứ tám không duyên lự, chẳng năng lấy tự sở duyên vậy. Thức thứ tám chẳng phải chủng tử sở y chỉ làm nghĩa y.

Hỏi: Không biết pháp nào đủ bốn nghĩa đây? Đủ thì được gọi là sở y chẳng?

Đáp: Năm sắc căn và ý xứ, tức sáu xứ đây đủ bốn nghĩa trước đủ thì riêng được gọi là sở y.

Hỏi: Sáu xứ bên trong là câu hữu y, so với thể sáu căn nghĩa có gì riêng khác?

Đáp: Câu hữu y chỉ lấy sáu xứ hiện hành chẳng lấy chủng tử, khuyết nghĩa cảnh, nếu chỉ nói sáu căn tức thông chủng hiện. Lại câu hữu y lấy nghĩa sở y. Nếu nói sáu căn tức lấy nghĩa sinh trưởng mỗi mỗi căn cứ ưu thắng để luận. Lại nếu tâm tâm sở pháp lúc sinh lúc trú, tức đủ câu hữu y, nếu sắc pháp lúc sinh lúc trú chỉ có nhân duyên y tức được quyết định không câu hữu y, vì sắc pháp không sở duyên vậy, tự thể chẳng là pháp năng duyên vậy. Lại trong luận Du-già nói: “Ở năm thức có ba y: Một, chủng tử y; hai, câu hữu y; ba, khai đạo y.”

Hỏi: Sở y có mấy lớp?

Đáp: Có bốn lớp, nghĩa là năm sắc căn, thức thứ sáu thức thứ bảy, thức thứ tám, tức năm thức mỗi mỗi y tự căn nếu ba thức sau (sáu, bảy, tám) tức thông cùng năm thức làm y.

Hỏi: Năm sắc căn thức thứ sáu, thức thứ bảy, thức thứ tám, bốn lớp sở y mỗi mỗi có dụng gì mà nói tùy khuyết một thứ tức bèn chẳng chuyển ư?

Đáp: Một đồng cảnh; hai phân biệt; ba nhiễm tịnh; bốn căn bản v.v... sở y riêng biệt nên nói đồng cảnh là, tức tự năm sắc căn vậy, như lúc nhãn căn chiếu cảnh sắc xanh, nhãn thức cũng duyên cảnh sắc xanh, vì cảnh sắc xanh đồng nên gọi là đồng cảnh, cho đến thân căn thức cũng vậy. Nói phân biệt là tức thức thứ sáu năng thức trước làm phân biệt y, lúc đồng duyên cảnh khởi phân biệt vậy. Đây là tự thể thức thứ sáu cùng năm thức làm phân biệt y. Trong luận Du-già nói: “Có phân biệt không phân biệt, đồng duyên cảnh hiện tại vậy”, tức thức thứ sáu gọi là có phân biệt, năm thức trước gọi là không phân biệt. Trong kinh Giải Thâm Mật nói: “Lúc năm thức khởi, quyết định có ý thức đồng duyên cảnh”. Nói nhiễm tịnh là, tức thức thứ bảy, thức thứ bảy năng cùng năm thức làm nhiễm tịnh y, thức thứ bảy nếu tại trong quả vị hữu lậu tức cùng năm thức làm nhiễm y, nếu lúc thành vô lậu tức cùng năm thức

làm tịnh y, có nhiễm tịnh y đây, năm thức trước mới chuyển, nếu không tức chẳng được sinh. Nói căn bản là tức thức thứ tám, thức thứ tám cùng năm thức trước làm căn bản y, năm thức trước là cảnh nhánh. Lại thức thứ tám năng trì chủng năm thức trước chủng mới sinh hiện, suy công về gốc đều từ trong thức thứ tám mà thành vậy. Thức thứ tám đây chẳng chỉ cùng năm thức trước làm căn bản y, cũng cùng muôn pháp làm căn bản, vì năng trì chủng muôn pháp vậy, ở trong quả vị nhân quả, thức thứ tám đều là căn bản, bốn lớp y đây mỗi mỗi chẳng đồng, tức tám thức đều có danh nghĩa bốn lớp sở y, chẳng đồng là như nhãn v.v... năm thức tức đồng cảnh v.v... bốn lớp sở y, mỗi mỗi có nghĩa quyết định, vả lại như nhãn thức lấy nhãn căn làm quyết định đồng cảnh y, vì quyết định cộng lấy một cảnh vậy, ngoài ra bốn cảnh và bốn căn mỗi mỗi quyết định lấy tự cảnh cũng vậy, vì thức thứ sáu làm quyết định phân biệt y, vì thức thứ bảy làm quyết định nhiễm tịnh vậy, vì thức thứ tám làm quyết định căn bản y. Lại năng y sở y, nên dùng bốn câu để phân biệt. Một, chỉ năng y chẳng phải sở y tức tâm sở pháp; hai, chỉ sở y chẳng phải năng y, tức năm sắc căn; ba, câu câu tức tâm vương thức thứ tám; bốn, câu phi tức sắc pháp bên ngoài. Lại khai đạo y là, khai là mở (lánh) vậy tức khai mở xứ sở, đạo nghĩa là đất dẫn, đất dẫn khiến sinh, tức tâm vương ở niệm trước lúc sắp diệt khai mở xứ sở, dẫn tâm tâm ở niệm sau khiến kia sinh khởi tức tâm tâm sở ở niệm sau gá tâm vương khai đạo ở niệm trước chỗ nương tựa mà sinh, gọi là khai đạo y, phàm xứ của nhân y thì mới đầu của nhiễm tịnh sinh ra, cảnh của quả báo, là thời của khổ lạc thành thực, thì mười nhân năm quả vì không sai, ba y bốn duyên mà chẳng phải lạm, đều là một niệm đầu tiên, trái giác hợp trần chuyển tâm năng tác hiện làm các cảnh, ba tế thức toàn nhân bất giác, sáu tướng thô trọng làm sở duyên, vào sinh tử xoay vòng lửa chưa từng tạm dứt, ở trần lao vào ngục vô gián, đâu có kỳ ra, nếu năng rõ nguyên do muôn pháp khởi đầu, rõ khoảng của một niệm đầu tiên, mới biết tự tâm ta khởi, xứ khởi không vết chỉ lúc tâm ta diệt mất, không vết thì trọn khô gốc khổ, sáu thú vì đó mà băng tiêu, chóng cạn nguồn ái. Hai tử nhân đây mà mây tan, chánh ý của hai mươi tám vị Tổ từ đây mà ngồi sáng, bản hoài chư Phật ba đời nhân đây mà cởi mở.

Hỏi: Bát-nhã không tướng chẳng thọ một trần cố sao rộng biện bốn duyên và các nhân quả?

Đáp: Phàm chánh pháp Phật nói đều từ duyên sinh, nên nói: Tâm pháp bốn duyên sinh, sắc pháp hai duyên khởi, nếu chấp chẳng theo duyên sinh, là đều chẳng phải chánh pháp, đều thuộc ngoại đạo tà kiến



tự nhiên, như một pháp của tâm, nếu không nhân duyên thứ nhất là không có nghĩa là thân sinh hiện hành quả, thì các pháp chẳng thành lập. Nếu không đấng vô gián duyên thứ hai thì không nghĩa khai đạo dẫn sinh sau, không có tương tục, toàn thành gián đoạn. Nếu không có sở duyên duyên thứ ba, thì tâm không chỗ nghỉ ngơi, chẳng năng dắt dẫn tâm dụng, tâm không chỗ gá, là tâm cảnh đều thành đoạn diệt, nếu không tăng thượng duyên thứ tư là, tuy đủ ba duyên trước, nếu không tăng thượng tức thành chướng ngại, pháp cũng chẳng sinh, bốn duyên đầy đủ mới thành tâm pháp, nếu năng rõ suốt thế gian, pháp của nhân duyên sinh ra, mới là thấy yếu chỉ của không sinh, vì tức pháp sinh mà đạt không sinh vậy, vả lại sinh pháp còn chẳng biết chánh nhân, làm sao năng rõ diệu lý không sinh? Do đó trong Hoa Nghiêm nói: “Nghĩa sâu duyên khởi, chỗ tông của Phật giáo, từ xưa các tông đức phần nhiều nói là tông của ba giáo, Nho thì tông ở ngũ thường, Đạo tông ở tự nhiên, Phật tông ở nhân duyên”. Nhưng Lão tử tuy nói: “Đạo sinh một, một sinh hai, hai sinh ba, ba sinh muôn vật”. Tự có nhân duyên mà chẳng phải chánh nhân duyên. Nói Đạo sinh một là, đạo tức hư vô tự nhiên vậy. Kia lại nói: “Nhân pháp địa địa pháp thiên, thiên pháp đạo, đạo pháp tự nhiên” nghĩa là: Hư thông gọi là đạo, tức tự nhiên mà nhiên, là tuy có nhân duyên cũng thành nghĩa của tự nhiên vậy. Phật pháp tuy có trí vô sư trí tự nhiên mà là thường trú chân lý, cần gá duyên hiện thì cũng là nhân duyên vậy, nên giáo nói ba đời tu nhân khế quả, chẳng phải không nhân thiện nhân ác vậy. Trong kinh Lăng-già nói: “Bồ-tát Đại Tuệ bạch Phật: Phật nói thường chẳng nghĩ bàn, các ngoại đạo kia cũng có thường chẳng nghĩ bàn, có gì khác ư?” Phật dạy: “Các ngoại đạo kia không có thường chẳng nghĩ bàn, vì không nhân vậy. Ta nói thường chẳng nghĩ bàn là có nhân. Nhân chứng ở bên trong, đâu được đồng ư? Vậy thì chân thường cũng nhân duyên hiển bày. Trong kinh Tịnh danh nói: “Nói pháp chẳng có cũng chẳng không, vì nhân duyên nên các pháp sinh”. Trong kinh Pháp Hoa nói: “Chư Phật Lưỡng Túc Tôn, biết pháp thường không tánh, Phật chứng theo duyên khởi, cho nên nói nhất thừa”. Lại trong kinh nói: “Tất cả các pháp nhân duyên làm gốc”. Trong luận Trung Quán nói: “Chưa từng có một pháp, chẳng từ nhân duyên sinh, cho nên tất cả pháp không gì chẳng là không” thì chân không trung đạo cũng nhân duyên vậy. Nếu vậy trong kinh Niết-bàn nói: “Ta quán các hành thấy đều vô thường, vì sao biết ư? Vì nhân duyên vậy, nếu tất cả pháp từ duyên sinh, thì biết là vô thường, các ngoại đạo đó không có một pháp chẳng từ duyên sinh, cho nên vô

thường, thì ngoại đạo có nhân duyên vậy”. Giải thích: Đây là nói rõ ngoại đạo tại bên trong nhân duyên chấp ở tướng duyên lấy làm thường trú, cho nên phá đó mà nói vô thường vậy. Nay nói rõ giáo phân tích diệu lý nhân duyên có đủ thường và không thường, đâu được đồng ư? Hướng gì là tông là từ nhiều phần nói, sở dĩ nhân duyên là sở tông, chớ nên đặt để nghi ngờ nên biết chỉ là nhất tâm, pháp môn duyên khởi, vì pháp không tự tánh, tùy chỗ tâm hiện, pháp của chỗ hiện toàn là tự tâm, trọn không bên ngoài tâm có pháp năng cùng tâm làm duyên. Do đó tướng gốc ngọn gom thâu đều quy về Tông kính, tại sao? Bên trong tức là gốc, bên ngoài tức là ngọn, vì nghĩa duy tâm thì bên trong gom thâu bên ngoài, giá cảnh sinh tâm thì ngọn cũng gom thâu bên trong. Nếu dùng pháp tánh làm gốc, pháp tánh dung thông, nguyên do duyên khởi thì một mảy trần bao hàm thân lớn, một sợi lông dung chứa cả cõi nước, nên hợp làm một duyên khởi lớn vậy. Nên biết có trí tuệ không nghe nhiều, có nghe nhiều không trí tuệ đều chẳng thấu đạt thật tướng. Văn (nghe) tuệ đầy đủ, thật thấy nguồn tâm. Lại trong kinh nói: “Nếu muốn học Bát-nhã, nên học tất cả pháp, vì sắc vô biên nên Bát-nhã vô biên”. Lại trong kinh nói: “Nếu muốn rõ đạt nhân duyên, đừng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên là nên phải học Bát-nhã”. Trong luận Đại Trí Độ giải thích là: “Chẳng phá nghĩa của bốn duyên, chỉ phá chấp của bốn duyên, như vàng trắng của trong nước, chẳng phá chỗ thấy, chỉ phá chỗ thủ”. Nên biết chỉ có năng thủ chấp tình, thì chẳng phải huyễn mà thành pháp huyễn, nếu thành tuệ không chỗ được, thì chẳng phải huyễn còn tự chẳng sinh, chấp một tình đối, muôn pháp không lỗi, chân tánh Bát-nhã kẹt chỗ nào ư? Như trong kinh Đại Niết-bàn nói: “Bồ-tát khéo biết các duyên, Bồ-tát Ma-ha-tát chẳng thấy sắc tướng chẳng thấy sắc duyên, chẳng thấy sắc thể, chẳng thấy sắc sinh, chẳng thấy sắc diệt, chẳng thấy tướng một, chẳng thấy tướng khác, chẳng thấy người thấy, chẳng thấy tướng mạo, chẳng thấy người thọ, tại sao? Vì rõ nhân duyên vậy, như sắc tất cả pháp cũng như vậy”. Lại nghĩa mười nhân bốn duyên v.v... trước là ước về tông pháp tướng mà nói, lược nói về hành tướng, nay y cứ tông pháp tánh pháp môn tự tại vô ngại, nói rõ về thể tánh đó, căn cứ Hoa Nghiêm Pháp giới duyên khởi vô tận tông cũng có sáu nghĩa nhân môn mười nghĩa duyên khởi. Nay tạm giải thích sáu nghĩa nhân môn: Một, không có lực chẳng đãi duyên, là nghĩa sát-na diệt. Do sát-na diệt vậy, tức không tự thể là không vậy, do diệt đây nên pháp quả được sinh là có lực vậy, nhưng rụng diệt đây chẳng phải do duyên, bởi có lực nên chẳng đợi duyên;

hai, không có lực đối đãi duyên, là nghĩa câu hữu, do câu hữu nên mới có tức hiển bày là chẳng có nghĩa không vậy, câu nên năng thành có là có lực vậy, câu nên chẳng phải tán mất là đối đãi duyên vậy; ba, không không lực đãi duyên, là nghĩa đối đãi duyên, do không tự tánh nên là không vậy, nhân chẳng sinh duyên sinh nên là không lực vậy; bốn, có có lực chẳng đối đãi duyên, là nghĩa quyết định, do tự loại chẳng cải đổi nên là nghĩa có, nhưng tự chẳng cải đổi mà sinh quả vậy, quả là nghĩa có lực, nhưng chẳng cải đổi đây chẳng phải do duyên lực, nên chẳng đãi duyên; năm, có có lực đối đãi duyên, là nghĩa dẫn tự quả, do dẫn hiện tự quả là nghĩa có, tuy được thắng duyên mới sinh nhưng chẳng sinh duyên quả là nghĩa có lực, tức do đây nên là nghĩa đãi duyên; sáu, có không lực đối đãi duyên, là nghĩa hằng tùy chuyển. Do tùy tha nên không lực, cho nên đối đãi duyên chánh nhân đối duyên chỉ có ba nghĩa: Một là, nhân có lực chẳng đối đãi duyên, toàn năng sinh, chẳng xen tạp duyên lực; hai là nhân có lực đối đãi duyên, là tương tư (cùng giúp nhau) phát vậy; ba là, nhân không lực đối đãi duyên, toàn chẳng làm vậy. Dụng duyên vậy do ba nghĩa trên trong nhân mỗi mỗi có hai nghĩa có và không, hai môn mỗi mỗi chỉ ba, chỉ có sáu vậy, chẳng tăng chẳng giảm, tại sao chẳng lập câu thứ tư nghĩa không lực chẳng đối đãi duyên? Vì kia chẳng phải nghĩa nhân nên chẳng lập.

Hỏi: Trong quả có sáu nghĩa chẳng?

Đáp: Trong quả chỉ có hai nghĩa có và không, nghĩa là từ tha sinh không thể nên là nghĩa không, đáp nhân nên là nghĩa có, nếu căn cứ qua lại làm nhân quả mà nói: Tức là lúc nhân tha đầy đủ sáu nghĩa đây, lúc cùng tha làm quả, tức chỉ có hai nghĩa, cho nên sáu nghĩa chỉ tại trong nhân đối. Đãi duyên là, đối đãi tăng thượng v.v... ba duyên bên ngoài nhân sự vậy. Nếu duyên khởi nghĩa bí mật đều đủ sáu nghĩa đây. Sáu nghĩa ước về thể dụng mỗi mỗi có bốn câu: Một, nói về thể có và không với bốn câu là: Một là, có, tức là nghĩa quyết định, hai là, không tức là nghĩa sát-na diệt, ba là, cũng có cũng không, tức là hợp kia dẫn tự quả và câu hữu, không hai ấy vậy, bốn là, chẳng phải có chẳng phải không, tức là hợp kia hằng tùy chuyển và đối đãi các duyên, không hai ấy vậy. Về dụng có bốn câu: Một là hợp kia hằng tùy và đối đãi các duyên không hai vậy, là chẳng tự sinh; hai là do hợp kia sát-na diệt và nghĩa quyết định không hai vậy, là chẳng tha sinh; ba là, do hợp kia câu hữu và dẫn tự quả không hai vậy, là chẳng cộng sinh; bốn là, do đủ ba câu hợp sáu nghĩa đó, nghĩa nhân mới thành vậy chẳng phải không nhân sinh vậy. Trong luận Trung Quán nói về bát bất là căn cứ ngăn

phân tích. Sáu, nghĩa là nói về bai phân tích. Bát bất căn cứ phản tình lý tự nhiên, sáu nghĩa căn cứ hiện lý tình tự mất, có tư hữu đó vậy, sáu nghĩa mở hợp là, hoặc nói về thể chỉ một, vì nhân không hai, thể vậy; hoặc nói về nghĩa phân hai, nghĩa là không và có vì không tự tánh, duyên khởi hiện tiền vậy; hoặc nói về dụng phân ba: Một là, có lực chẳng đối đãi duyên; hai là, có lực đãi duyên; ba là, không lực đối đãi duyên. Mới đầu tức toàn có lực, sau tức toàn không lực. Giữa tức cũng có lực cũng không lực. Câu thứ tư không lực chẳng đối đãi duyên, là chẳng phải nhân nên chẳng luận bàn, sáu nghĩa căn cứ tự thể duyên khởi. Sáu tướng căn cứ nghĩa môn duyên khởi, sáu nghĩa do nghĩa có và không nên có môn tương tức, do nghĩa có lực và không lực, nên môn càng vào. Do nghĩa có đối đãi duyên và chẳng đối đãi duyên nên có môn đồng thể và dị thể. Do các nghĩa môn nên được có các sự mảy lông dung chứa cõi nước v.v... nếu luận về cùng tức, cùng giữ gìn, đều nhân có lực và không lực tức hai nghĩa đây chẳng được đồng thời, nếu câu hữu lực không không lực, tức thành lỗi nhiều quả, mỗi mỗi sinh vậy, nếu đều không lực không có lực, tức thành lỗi không quả, đều chẳng sinh vậy. Trong luận nói: “Nhân chẳng sinh mà duyên sinh, duyên chẳng sinh mà nhân sinh, vì một có lực năng giữ gìn nhiều, vì nhiều không lực tức vào trong một, vì nhiều có lực năng giữ gìn một, vì một không lực tức vào trong nhiều”. Do đó, một trần có lực năng bao gồm cả sát hải, sát hải không lực ngầm vào trong một.

Hỏi: Có lực và không lực, nghĩa đó như thế nào?

Đáp: Nếu vì một có lực là nghĩa không không tánh, không tánh nên năng thành các pháp. Vì có nghĩa không nên tất cả pháp được thành, thì là một có lực làm chủ, nhiều không lực làm bạn. Nếu vì nhiều có lực thì không một pháp mà có tự thể năng độc lập, đều mượn nhờ các duyên đối đãi nhau mà thành, thì nhiều có lực làm chủ, một không lực làm bạn. Sở dĩ lập tướng bạn thành tự tha qua lại lập, không bạn thì chủ chẳng lập, khuyết tự thì tha chẳng thành. Lại nói về dụng do đối đãi nhau nên đủ nghĩa có lực và không lực, là cùng thân và cùng vào; hai ,nói về thể do tác động nhau nên đủ nghĩa có thể và không thể cho nên tức nhau và là nhau. Trong kinh có kệ tụng nói:

*“Các pháp không tác dụng,  
Cũng không có thể tánh,  
Cho nên tất cả pháp,  
Mỗi mỗi chẳng biết nhau”.*

Vì tha mà làm tự nên không thể tánh, vì đối đãi nhau mà thành

nên không tác dụng. Đây là nghĩa không lực, lại nhân không biết không tánh đây, mới có duyên khởi. Nếu một pháp có thể thì chẳng nhờ mượn nương nhau, nếu không nương nhau thì không có pháp. Nếu các pháp chẳng không thể không đạo không quả, đây là nghĩa có lực. Tiếp theo, mười môn duyên khởi, tức là lực của duyên khởi bởi nhau nghĩa là một và nhiều qua lại làm duyên khởi bởi nhau thành lập nên có tức nhau vào nhau v.v... đây có hai thứ: Một, nói về duyên dụng có lực và không lực, tương đãi tương y toàn thể tương thâu (đối đãi nhau, nương tựa nhau, toàn thể gồm thâu nhau) nên có tương nhập; hai, nói về duyên thể có không và chẳng không năng làm sở làm toàn thể là nhau, nên có tức nhau, hai môn tức vào đây lại có hai nghĩa: Một, khác thể trong nhau nên có vi tế ẩn hiển, nghĩa là khác thể chứa nhau là nghĩa vi tế, khác thể là nhau là nghĩa ẩn hiển; hai, đồng bên trong thể đủ đức nên có một nhiều rộng hẹp, nghĩa là đồng thể vào nhau nên có một nhiều vô ngại, đồng thể tức nhau nên có rộng hẹp vô ngại. Lại do khác, gồm đồng nên có nghĩa lười trời Đố-thích, ở trong thời nên có nghĩa mười đời, duyên khởi không tánh nên có nghĩa tánh tướng vô ngại, cùng khuyết cùng gồm nên có nghĩa chủ bạn, nghĩa mười duyên là:

Một nghĩa là các duyên mỗi khác, trong duyên khởi lớn, các duyên trong nhau, cần phải thể dụng mỗi riêng biệt, chẳng tạp loạn nhau mới thành duyên khởi, nếu tạp loạn là mất bản duyên, pháp duyên khởi chẳng thành, đây thì các duyên mỗi mỗi tự giữ một vị. Trong kinh có kệ tụng nói:

*“Trong nhiều không một tánh,  
Một cũng không có nhiều”.*

Hai nghĩa là hổ biến tương tư (qua lại khắp cùng giúp nhau) cần phải qua lại khắp cùng mới thành duyên khởi, như một duyên khắp cùng ứng với nhiều duyên, mỗi mỗi cùng nhiều kia toàn làm một vậy, một đây tức là nhiều cái một vậy. Đây tức từng một mỗi đủ tất cả. Trong kinh có kệ tụng nói

*“Biết vì một nên nhiều,  
Biết vì nhiều nên một”.*

Ba, nghĩa câu tôn vô ngại, phàm là một duyên, cần đủ hai nghĩa trước, vì phải trú tự một mới năng khắp cùng ứng khắp cùng, ứng nhiều duyên nhiều mới là một vậy. Vì một chẳng tự làm một, vì nhiều làm một, vì nhiều chẳng tự nhiều, vì một lần nhiều, cho nên chỉ một nhiều, một tự tại vô ngại, hoặc khắp thể toàn trú là chỉ một vậy, hoặc khắp thể khắp cùng ứng là nhiều một vậy, hoặc đều còn, hoặc đều mất, hoặc

tổng hợp, hoặc toàn lìa. Trong kinh có kệ tụng nói:

*“Các pháp không sở y,  
Chỉ từ hòa hợp khởi”.*

Ba môn đây gồm nói rõ bản pháp duyên khởi hoàn tất;

Bốn, nghĩa dị thể tương nhập, nghĩa là lực dụng pháp môn thay đổi cùng nương giữa hoa lại hình đoạt. Mỗi mỗi có nghĩa toàn lực và toàn không lực, do một có lực hẳn chẳng cùng nhiều lực chung, cho nên không có một mà chẳng giữ nhiều, do nhiều không lực hẳn chẳng cùng một không lực chung, cho nên không có nhiều mà chẳng vào một, nhiều giữ một nương cũng vậy.

Năm, nghĩa khác thể tức nhau, các duyên trong nhau, toàn thể hình đoạt có nghĩa có thể và không thể, cho nên một duyên là năng khởi, năng thành nên có thể nhiều duyên là sở khởi, sở thành nên không thể, do một có thể, hẳn chẳng được cùng nhiều có thể chung, nhiều không thể, hẳn chẳng được cùng một không thể chung, cho nên không có một của chẳng nhiều, không có nhiều của chẳng một.

Sáu nghĩa thể dụng cả hai dung hòa: Một, vì thể không chẳng dụng nên khắp thể toàn dụng, tức có nghĩa vào nhau và không tức nhau; hai, dụng không chẳng thể, nên khắp dụng toàn thể tức chỉ có nghĩa tức nhau mà không vào nhau; ba, quy dụng của thể chẳng ngại dụng, toàn thể của dụng chẳng mất thể, không ngại đều còn, cũng tức cũng nhập, tự tha đều hiện; bốn, toàn thể của dụng thể hết, toàn dụng của thể dụng mất, chẳng phải tức chẳng phải nhập viên dung một vị; năm, bốn câu trước đồng một duyên khởi vô ngại đều còn; sáu, hết năm câu trước tuyệt đãi lìa ngôn, ngậm đồng biển tánh, ba môn trên đây, ở tròn môn khác thể thứ nhất trước hiển bày nghĩa lý đã xong.

Bảy nghĩa đồng khởi vào nhau, nghĩa là chỗ một duyên trước có nhiều một, cùng một duyên kia, thể không riêng biệt, gọi là đồng thể. Lại do một duyên đây ứng với nhiều duyên, trước nói rõ vào nhau, nghĩa là một duyên có lực năng giữ nhiều một, nhiều một không lực nương một duyên kia, cho nên một năng gồm nhiều nhiều bên vào một.

Tám nghĩa đồng thể tương tức, nghĩa là chỗ một duyên trước đủ nhiều một cũng có nghĩa có thể và không tâm, cũng nên tức nhau, vì nhiều một không thể do vốn một thành nhiều tức một vậy. Do vốn một có thể năng giữ nhiều một, toàn một gồm nhiều, như một có nhiều, không đã vậy, nhiều có một, không cũng như vậy.

Chín, nghĩa cùng dung hòa vô ngại, đồng sáu câu trước thể dụng song dung. Ba môn đây ở trong môn đồng thể thứ hai trước, biện giải

nghĩa lý đã xong.

Mười, nghĩa đồng khác viên mãn, vì chín môn trước tổng hợp làm một duyên khởi lớn, nay môn nhiều thứ nghĩa đồng thời đầy đủ, do trú một khắp cùng ứng nên có môn rộng hẹp tự tại, do căn cứ thể có tức nhau căn cứ dụng có vào nhau. Do khác thể chứa nhau đầy đủ môn vi tế, do khác thể tức nhau đầy đủ môn ẩn hiển, căn cứ dụng vào nhau làm hiển, căn cứ thể tức nhau làm ẩn. Lại do khác thể vào nhau mang đồng thể vào nhau đầy đủ môn lưới trời Đế thích. Do duyên khởi lớn đây tức pháp giới vô ngại có môn giá sự, hiển bày trong thời có môn mười đời, liên quan nhau cùng gồm có môn chủ bạn, môn viên mãn đây căn cứ trong ba môn để biện giải nghĩa lý hoàn tất. Trong kinh có kệ tụng nói:

*“Bồ-tát khéo quán pháp duyên khởi,  
Ở trong một pháp giải nhiều pháp,  
Ở trong nhiều pháp giải rõ một”.*

Lý sự như vậy mở hợp tánh duyên dung thông, mới đạt dụng của nhất tâm vô tận. Trong Hoa Nghiêm Diễn Nghĩa giải thích: “Phàm duyên khởi là mới đầu có ba môn: Một, môn khác thể; hai, môn đồng thể; ba, môn đồng khác hợp rõ”. Chỗ có thể đồng dị là vì các môn duyên khởi, bên, trong có hai nghĩa: Một là, bởi nhau nghĩa chẳng tương do, nghĩa là tự đầy đủ đức, như trong nhân chẳng đối đãi duyên; hai là nghĩa bởi nhau như đối đãi duyên v.v... vậy, trước tức là môn đồng thể, sau tức là môn khác thể. Nếu vậy sao trong môn khác thể trước nói là các duyên mỗi riêng biệt, chẳng tạp loạn nhau? Trong môn đồng thể thứ hai lại nói qua lại khắp cùng ứng, mới thành duyên khởi? Giải thích: Vì cần do mỗi mỗi khác mới được đối đãi duyên, cần do khắp cùng ứng mới tự đầy đủ đức vậy. Do đó hai môn trước mỗi mỗi sinh ba là: Một, qua lại nương giữ có lực và không lực; hai, qua lại hình đoạt có thể và không thể; ba, thể dụng cả hai dung hòa, không có trước sau. Đây tức đại ý duyên khởi. Tiếp theo thứ nhất môn khác thể là do thành tựa nhau mới mỗi mỗi có thể; hai, nghĩa qua lại khắp cùng giúp nhau, tức môn đồng thể thì đủ nhiều cái một, như mười tiên làm duyên, đương thể tự là vốn một, ứng thời của hai, mới gọi là mới đầu một lấy làm hai một, ứng ba làm ba một, cho đến ứng mười làm mười một, nên có nhiều một, nếu một duyên đây chẳng đủ nhiều một, thì vốn ứng chẳng khắp, chẳng thành duyên khởi. Đây thì từng một mỗi đủ tất cả, một đã có mười, hai, ba, bốn v.v... cũng mỗi có mười nên nói từng một mỗi đủ, như mười tiên làm thí dụ. Trong pháp pháp giới sai biệt vô tận có mỗi mỗi khắp

cùng ứng vậy, tùy từng một mỗi đủ pháp pháp giới sai biệt vậy; ba, nghĩa câu tồn vô ngại là, chỉ một và nhiều, một tự tại vô ngại, là gần rõ muốn nhiều thường nhiều, muốn một thường một, nên nói là tự tại. Một, khắp thể khắp cùng ứng; hai khắp thể toàn trú; ba câu tồn (đều còn) là đều còn trú tự và khắp cùng ứng vậy, cũng đều còn chỉ một và nhiều một vậy; bốn đều hết sạch tức do đều còn thì tương tức đoạt vậy. Trú một tức khắp cùng ứng chẳng phải trú một vậy, khắp cùng ứng tức trú một chẳng phải khắp cùng ứng vậy; năm hoặc tổng hợp, là hợp câu trước làm giải cảnh vậy; sáu, hoặc toàn lia, toàn lia năm trước thành hành cảnh vậy. Bốn nghĩa khác môn vào nhau đáp đối cùng nương giữ, vì là duyên khởi một nhiều v.v... chẳng phải quyết định tánh một nhiều v.v... nghĩa là một có định tánh chẳng do ở nhiều, nhiều có định tánh chẳng do ở một, nay do một không định tánh, mượn nhờ nhiều mà khởi, nhiều không định tánh do một mà sinh vậy. Do không nghĩa của tánh bình đẳng mới thành duyên khởi, nếu có một có thể một, đây là tự tánh một, nếu có nhiều có thể nhiều, đây là định tánh nhiều, nếu là định tánh nhiều, nhiều chẳng nhân ở một, nếu là định tánh một, một chẳng nhân ở nhiều, nay do nhiều nên một, một đây chẳng tự một, nay do một nên nhiều, nhiều đây chẳng tự nhiều, nhiều đây thì không lực. Một đây chẳng tự một, một đây thì không lực, không lực tùy có lực, một nhiều qua lại thân nên tùy một Phật hiểu tức tất cả Phật hội, tất cả Phật hiểu tức một pháp hiểu, nên một pháp hiểu đây, chẳng động mà thường khắp cùng, chẳng phân mà thường nhiều, trước sau qua lại thành, có sao chẳng tin? Lại nghĩa là một trước trong một trong nhiều làm bên giữ một năng gồm nhiều, một làm bên nương, một năng vào nhiều, như một trong nhiều có nương có giữ có nương là, tức nhiều trước giữ nên một thành vậy, có giữ là, tức một trước có lực làm nhiều nương vậy. Nói toàn lực là thành giữ tâm, nói không lực là thành nương trên, nói thường bao hàm nhiều tại trong mình là, một có lực làm giữ năng gồm nhiều vậy. Nói ngậm vào mình tại trong nhiều là, một không lực làm nương, bèn vào nhiều vậy. Câu tồn song (đều còn và hết sạch) là nghĩa là một gồm nhiều là câu thứ nhất, nhiều gồm một là câu thứ hai. Đều còn tức câu thứ ba, nghĩa là tức lúc một gồm một nhập, tức nhiều gồm nhiều vào vậy. Hết sạch là tức câu thứ tư, một gồm một vào, thì nhiều gồm nhiều vào vậy, bèn một gồm một vào hết nhiều gồm nhiều vào vậy, tức một gồm một vào vậy thì nhiều gồm nhiều vào hết, nên nói hết sạch, đối lại trước riêng biệt nói rõ hai câu, thì có bốn câu, cũng có thể thành sáu, năm, đều chiếu bốn trước, thành giải cảnh vậy, sáu, chóng tuyệt



năm trước thành hành cảnh vậy; năm, nghĩa dị thể tương tức là làm bên năng khởi tức có thể, làm bên sở khởi tức không thể, thế nào là pháp từ duyên sinh, là pháp tức không? Ý lấy chỗ sinh không vậy, không tức nghĩa không thể, nếu hình đoạt là, vì duyên của năng khởi, hình đoạt sở khởi, đoạt sở khởi kia khiến không thể vậy. Do một có thể chẳng được cùng nhiều có thể chung là, nghĩa là có cật nạn nói: Một đó cùng nhiều chung có (câu hữu) hai nghĩa có thể và không thể, cứ sao riêng nói một có thể ư? Nên nay giải thông là hẳn là sở khởi vậy. Nếu không như vậy là năng khởi chẳng thành, duyên khởi cũng hoại, cho nên không có một của chẳng nhiều là, một đây là nhiều vậy, không có nhiều của chẳng một là, nhiều đây là một vậy.

Hỏi: Một chẳng tức nhiều có lỗi gì?

Đáp: Có hai lỗi: Một, lỗi chẳng thành nhiều, nghĩa là đã chẳng thành nhiều, ngoài ra cũng chẳng thành nhiều vậy, như một chẳng thành mười, hai ba bốn v.v... cũng chẳng thành mười, nên không mười lỗi; hai lỗi, chẳng thành một, nghĩa là nếu một chẳng thành mười, đây tức chẳng thành một, do mười chẳng thành nên một nghĩa cũng chẳng thành, vì không ở mười là ai một vậy? Một chẳng tức nhiều, thành lỗi đã vậy. Nhiều chẳng tức một thành lỗi cũng vậy. Lại nếu trong môn duyên khởi chẳng tương tức, hai nghĩa có không tác chẳng thành lập, bèn có các lỗi tự tánh đoạn diệt v.v... đều còn và hết sạch là, đều (câu) nghĩa là chánh lúc một gồm tha đồng mình, phước mình đồng tha, tức là nhiều gồm một đồng mình, phước mình đồng một vậy. Hết sạch là vì một trong ở tha hai nghĩa tức là nhiều trong ở một hai nghĩa vậy, thì một trong ở tha hai nghĩa hết vậy, nhiều trong ở một, hai nghĩa tức là một trong ở nhiều hai nghĩa vậy, tức nhiều trong ở một hai nghĩa sạch vậy. Ý chỉ chẳng khác trước, nên tư duy đó; sáu, nghĩa thể dụng cùng dụng hòa: Một, vì thể căn cứ dụng; hai, vì dụng căn cứ thể; ba, thể dụng đều còn; bốn, thể dụng đều hết, vì thể dụng giao triệt, hình đoạt đều mất tức vào đồng nguồn nên viên dụng một vị; năm, thành giải cảnh; sáu, thành hành cảnh; bảy, nghĩa đồng thể vào nhau, môn đây tức chỉ môn thứ hai trước, vì thứ hai là môn vốn đồng thể vậy, như một vốn tự là một là vốn một, ứng hai làm hai một, ứng ba làm ba một v.v... chỉ là một cái đối tha thành nhiều, cũng như một người trông cha gọi là con, trông con gọi là cha, trông anh gọi là em, trông em gọi là anh v.v... đến một thể người mà có nhiều tên gọi, nay vốn một như một người, nhiều một như các tên gọi vậy; tám, nghĩa đồng thể tức nhau là, một có nhiều không đã vậy là ví như nhiều một có thể vậy. Do có nhiều một mới gọi là vốn vậy, là

vốn một nên nhiều một có thể, vốn một không thể vậy, nhiều một có thể nên năng gồm vốn một, vốn một không thể ngấm vào nhiều một; chín, nghĩa cùng dung hòa vô ngại là đồng môn khác thể trước vậy, tức môn thứ sáu trước, nghĩa là trong pháp đồng thể duyên khởi lực dụng giao thiệp toàn thể dung hợp, mới thành duyên khởi; mười nghĩa đồng khác viên mãn, nghĩa từ trước lại bốn môn khác thể bốn môn đồng thể, và thứ ba là đồng khác đều còn, đều chẳng vượt ngoài đồng khác hợp ở một xứ, chẳng thiên một môn nên gọi là viên mãn, nếu đầy đủ đều đủ mười huyền, có nhiều thứ nghĩa môn, có gốc có ngọn có đồng có khác, có tức có vào, bốn câu sáu câu v.v... hợp chín môn trước làm môn đồng thời vậy, vả lại như do khác thể vào nhau mang đồng thể vào nhau nên có môn lưới trời Đế-thích. Đồng thể vào nhau trong một đã bao gồm ở nhiều, lại vào khác thể nên nghĩa có lớp lớp, đồng thể vào nhau như gương đã bao hàm nhiều ảnh, lại vào khác thể, như gương của bao hàm ảnh lại vào các gương khác nên có nghĩa của lớp lớp vô tận, ngoài ra chín huyền như văn, nay kết thuộc là, do trong bốn môn thứ nhất dung hòa đồng khác, nay thì dung hòa sáu môn trước, thì ba môn trong khác thể cùng ba môn đồng thể thành tựa nhau, không khác thể đồng thể chẳng thành, không đồng thể khác thể chẳng thành nên sáu môn thành tựa nhau, sau đó bảy môn từ ba môn trước sinh, ba môn trước dung hòa nên bảy môn sau hẳn dung hòa, nên mười huyền môn một khoảng vậy, vì như môn thứ ba trước dung thông cũng có sáu câu. Một, khắp thể toàn khác đủ vào tức chung; hai hoặc khắp thể toàn đồng cũng đủ nhập tức chung; ba hoặc đủ đồng khác đều hiện, không hai thể vậy; bốn, hoặc đều chẳng phải đồng khác, vì đoạt nhau đều hết, nghĩa là đồng tức khác nên chẳng phải đồng, khác tức đồng nên chẳng phải khác; năm, hoặc đủ bốn trước, là giải cảnh vậy; sáu, hoặc tuyệt năm trước, thành hành cảnh vậy, nên căn cứ trí hiển lý, các môn chẳng đồng, bỏ trí quên môn, tất cả chẳng phải nói, nói và chẳng nói vô ngại khó nghĩ lường, chìm đồng biển quả, chỉ mất lời bỏ sót chiếu ngõ hầu huyền lấy vậy, như trên duyên khởi tổng nhân là bên ngoài do bên trong biến gốc ngọn thâu gồm nhau, bên ngoài các khí giới, bên trong thức chóng biến, quả của tăng thượng cũng nhân tự nghiệp, nên nói là bên trong biến, bên trong tức là gốc, bên ngoài tức là ngọn, vì nghĩa duy tâm thì bên trong thâu bên ngoài đem ngọn gồm gốc, nếu dùng pháp tánh làm gốc, pháp tánh dung thông, duyên khởi bởi nhau, thì một mảy trần bao hàm một thân, một sợi lông dung chứa cả cõi nước, nên hợp làm một duyên khởi lớn.